| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-02-2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Minh Hoàng.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lưu Đức Chung.
2. Ông Phan Công Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1981.
Nơi đăng ký thường trú: 43/1B, Tổ 7, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: 43/1B, Tổ 7, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Phạm Quốc T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ngày 27/10/2009. Sau khi kết hôn, chị và anh T thường xuyên cãi nhau về công việc, về tiền bạc, kinh tế gia đình. Mỗi lần cãi nhau, anh T hay đánh chị nên chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị và anh T đã ly thân khoảng 01 năm, chị và con gái đã ra ngoài thuê trọ sinh sống. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T, yêu cầu ly hôn anh T..

*Về con chung*: Có 01 con chung tên Phạm Thanh N, sinh ngày 25/12/2009. Hiện nay, cháu N đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị làm công nhân thu nhập mỗi tháng 8.000.000 đồng. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có.

*Về nợ chung*: Không có.

2. Anh Phạm Quốc T đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc G.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo về quyền, lợi ích và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G đối với bị đơn anh Phạm Quốc T, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T.

Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung tên Phạm Thanh N, sinh ngày 25/12/2009 hiện đang do chị G nuôi dưỡng, chị G yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N. Xét cháu N hiện đang do chị G nuôi dưỡng và có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Đối với anh T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đề nghị xử giao cháu N cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Phạm Quốc T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 218, quyển số II/2009 ngày 27/10/2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị G trình bày quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên cãi nhau, anh T hay đánh chị, đã ly thân 01 năm nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, yêu cầu ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị G và anh T đến

Tòa án để ghi nhận ý kiến nhằm hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, không cung cấp lời khai cho Tòa án chứng tỏ anh T bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị G và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G đối với anh T, xử cho chị G ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung tên Phạm Thanh N, sinh ngày 25/12/2009.

Xét thấy, cháu N đang do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu N có nguyện vọng tiếp tục sống với chị G. Tòa án đã triệu tập anh T để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu nuôi con nhưng anh T không có mặt, không cung cấp ý kiến chứng tỏ anh T không có trách nhiệm, không mong muốn nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu N cho chị G được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với việc cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Quốc T, do đó chị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G đối với bị đơn anh Phạm Quốc T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc G ly hôn anh Phạm Quốc T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Phạm Quốc T có 01 con chung tên Phạm Thanh N, sinh ngày 25/12/2009.

Xử giao cháu Phạm Thanh N, sinh ngày 25/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị G và anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004775 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị G đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Phạm Quốc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Minh Hoàng**